BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: KẾ TOÁN
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐÀ NẴNG – NĂM 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày ...… tháng …...… năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- *Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.*
- *Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.*

MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng. Nghiệp vụ cơ bản nhất của Ngân hàng thương mại là huy động vốn và cho vay vốn. Trong đó, nghiệp vụ cho vay được xem là nghiệp vụ quan trọng mang lại nguồn thu nhập chủ yếu cho ngân hàng.

Hoạt động tín dụng vốn tiềm ẩn những rủi ro. Bên cạnh đó, việc đầu tư vốn vào những đơn vị sản xuất kinh doanh yếu kém, không hiệu quả, sử dụng vốn sai mục đích…gây ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng, nguy cơ nợ xấu và lạm phát gia tăng là điều khó tránh. Thực trạng này có liên quan chặt chẽ đến chất lượng kiểm soát tín dụng. Vì vậy, nâng cao chất lượng kiểm soát tín dụng là vấn đề sống còn đối với ngành ngân hàng nói riêng và của toàn xã hội nói chung.

Hoạt động của NHNN&PTNT Thành phố Đà Nẵng đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Tuy nhiên, thực trạng chất lượng kiểm soát tín dụng của NHNN&PTNT Thành phố Đà Nẵng còn chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mực.Từ những lý do trên, tác giả quyết định chọn đề tài " Tăng cường kiểm soát tín dụng tại Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng" làm đề tài nghiên cứu .

2. Mục đích nghiên cứu của luận văn

Nghiên cứu nội dung kiểm soát tín dụng, phân tích vai trò của kiểm soát tín dụng và đưa ra những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng kiểm soát tín dụng tại Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu quy trình kiểm soát tín dụng của Ngân hàng NN và PTNT Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn khảo sát trên 2 khía cạnh lý luận và thực tiễn về kiểm soát tín dụng của NHTM, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm soát tín dụng của NHNN và PTNT Đà Nẵng nói riêng và NHNN và PTNT Việt Nam nói chung theo định hướng của Đảng và Nhà nước, đề xuất kiến nghị đối với NHNN Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích lý luận, phương pháp thống kê, đối chiếu so sánh, tổng hợp…để làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu.

5. Kết quả nghiên cứu

- Về lý thuyết : tổng hợp và trình bày một số lý thuyết về kiểm soát tín dụng trong Ngân hàng thương mại

-Về thực tiễn : Phân tích được nội dung kiểm soát tín dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm soát tín dụng của Ngân hàng NN&PTNT trong những năm qua.

- Rút ra được những vấn đề tồn tại và ảnh hưởng đến kiểm soát tín dụng Ngân hàng NN&PTNT, đề xuất một số giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng kiểm soát tín dụng của Ngân hàng NN&PTNT trong thực tiễn.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày trong 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong Ngân hàng thương mại

CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại NHNN và PTNT Đà Nẵng

CHƯƠNG 3: Những giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại NHNN và PTNT Đà Nẵng

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1 Khái niệm, vai trò và chức năng của ngân hàng thương mại

1.1.1.1 Khái niệm ngân hàng thương mại

Nghị Định của Chính Phủ số 49/2000 NĐ-CP ngày 12/9/2000 định nghĩa:" Ngân hàng thương mại là ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước".

1.1.1.2 Vai trò, chức năng của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế

NHTM là một loại hình doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, nó đảm nhận vai trò giữ cho mạch máu tiền tệ của nền kinh tế được lưu thông ổn định. NHTM thực hiện nhiệm vụ cơ bản nhất của ngân hàng đó là huy động vốn và cho vay vốn. Để thực hiện được vai trò trên NHTM cần có những chức năng sau:

- *Chức năng trung gian tín dụng*
- *Chức năng trung gian thanh toán*
- *Chức năng cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng*

1.1.2 Nội dung về hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại

1.1.2.1 Khái niệm tín dụng ngân hàng

Tín dụng ngân hàng là quan hệ vay mượn về vốn theo nguyên tắc có hoàn trả giữa ngân hàng với các cá nhân, tổ chức kinh tế và các TCTD khác.

1.1.2.2 Tầm quan trọng của hoạt động tín dụng đối với ngân hàng

Hoạt động tín dụng là chức năng kinh tế cơ bản của NHTM. Thu nhập từ hoạt động tín dụng đem lại nguồn thu chủ yếu cho các NHTM.

1.1.2.3 Các hình thức tín dụng ngân hàng

Tín dụng ngân hàng có thể được phân loại căn cứ vào mục đích cho vay, căn cứ vào lĩnh vực cho vay, căn cứ vào tính kế hoạch hóa…

1.1.2.4 Nguyên tắc đảm bảo kiểm soát hiệu quả hoạt động tín dụng ngân hàng

Để đảm bảo an toàn, hiệu quả công tác tín dụng cần tuân thủ những nguyên tắc sau: Phân công công việc, phân chia trách nhiệm, kiểm soát kép, đối chiếu, kiểm tra, theo dõi, luân chuyển công tác.

1.2. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1 Khái niệm về kiểm soát nội bộ và sự cần thiết của KSNB đối với hoạt động tín dụng trong NHTM

Kiểm soát nội bộ của TCTD là tập hợp bao gồm các chính sách, quy trình, quy định nội bộ, các thông lệ, cơ cấu tổ chức của ngân hàng, được thiết lập và được tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu của ngân hàng và đảm bảo phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra.

Việc thiết kế một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh có vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của một tổ chức kinh tế nói chung và của ngân hàng thương mại nói riêng. HTKSNB được các nhà quản lý sử dụng như một công cụ hữu hiệu để quản lý nhân viên và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

1.2.2 Mục tiêu của KSNB đối với hoạt động tín dụng trong ngân hàng thương mại

Hệ thống kiểm soát nội bộ được thành lập nhằm đảm bảo các mục tiêu cơ bản sau: Mục tiêu kết quả hoạt động, mục tiêu thông tin, mục tiêu tuân thủ.

1.2.3 Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong NHTM

1.2.3.1 Môi trường kiểm soát đối với hoạt động tín dụng

Môi trường kiểm soát tạo ra sắc thái chung của một tổ chức, thông qua việc chi phối ý thức kiểm soát của các thành viên. Là nền tảng cho toàn bộ các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cơ cấu tổ chức, cơ chế phân cấp, phân quyền, các chính sách, thông lệ về nguồn nhân lực, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, cách thức quản trị, điều hành của các cấp lãnh đạo.

1.2.3.2 Hệ thống kế toán liên quan đến kiểm soát hoạt động tín dụng

Hệ thống kế toán là một công cụ quản lý của ngân hàng bao gồm: hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống báo cáo kế toán.

Một hệ thống kế toán ngân hàng hữu hiệu phải đảm bảo các mục tiêu sau: Tính có thực, sự phê chuẩn, tính đầy đủ, sự đánh giá, sự phân loại, tính đúng kỳ, đối chiếu, tổng hợp.

1.2.3.3 Các thủ tục kiểm soát đối với hoạt động tín dụng

Thủ tục kiểm soát là các chính sách, quy trình, thông lệ được xây dựng nhằm đảm bảo thực hiện các kế hoạch, các yêu cầu do các cấp quản lý điều hành đặt ra và các quy trình giảm thiểu rủi ro liên quan đến mục tiêu kiểm soát tín dụng của ngân hàng. Có rất nhiều thể thức kiểm soát, tuy nhiên chúng thường thuộc 6 loại sau: Phân chia trách nhiệm thích hợp (nguyên tắc bất kiêm nhiệm, *c*ác thủ tục phê chuẩn đúng đắn, chứng từ và sổ sách đầy đủ, bảo vệ tài sản vật chất và sổ sách, kiểm tra độc lập, phân tích rà soát.

1.2.3.4 Bộ phận kiểm toán nội bộ đối với hoạt động tín dụng

Một bộ phận kiểm toán nội bộ hữu hiệu sẽ cung cấp cho Ban lãnh đạo ngân hàng những thông tin xác thực, kịp thời về chất lượng và tình hình hoạt động của Ngân hàng. Qua đó, giúp kịp thời điều chỉnh và bổ sung các quy chế kiểm soát thích hợp và hiệu quả.

3. NỘI DUNG CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3.1 Nội dung kiểm soát hoạt động tín dụng trong Ngân hàng thương mại

Trong hoạt động tín dụng, hoạt động kiểm soát bao gồm các nội dung cơ bản sau: Kiểm soát quá trình xét duyệt cho vay, quá trình giải ngân, kiểm tra và giám sát vốn vay sau khi giải ngân, kiểm soát rủi ro tín dụng, kiểm soát việc chấp hành các nguyên tắc trong thực hiện nghiệp vụ tín dụng.

3.2 Những biện pháp kiểm soát hoạt động tín dụng trong NHTM

3.2.1 Phân tích tín dụng: *Phân tích khách hàng và các điều kiện tín dụng, phân tích lợi ích ngân hàng được hưởng.*

3.2.2 Kiểm tra tín dụng

Việc kiểm tra tín dụng giúp cho nhà quản lý phát hiện ra những sai sót trong công tác phân tích tín dụng và ra quyết định cho vay cũng

như đánh giá toàn bộ rủi ro tiềm ẩn của khoản vay để từ đó có biện pháp phòng chống kịp thời.

3.2.3 Xử lý tín dụng có vấn đề

Mặc dù các NHTM đã xây dựng một cơ chế đảm bảo an toàn tín dụng nhưng không thể tránh khỏi rủi ro không thu hồi được nợ gốc và lãi khi cấp tín dụng. Các nhà quản lý ngân hàng cần sớm phát hiện những khoản tín dụng có vấn đề, tìm các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời nhằm thu hồi nợ, giảm thiểu mức độ rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 giới thiệu chức năng và vai trò của kiểm soát trong quản lý. Phân tích cụ thể tính chất của hoạt động tín dụng, từ đó đánh giá được các rủi ro tiềm ẩn nhằm tìm ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Phân tích và làm rõ nội dung những biện pháp kiểm soát hoạt động tín dụng trong NHTM cũng như những mục tiêu, nhiệm vụ và các yếu tố cấu thành nên hệ thống KSNB đối với hoạt động tín dụng trong NHTM.

Những lý luận cơ bản về KSNB đối với hoạt động tín dụng trong NHTM được trình bày ở chương I là nền tảng để luận văn đánh giá thực trạng KSNB hoạt động tín dụng tại Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng ở chương II.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

2.1 KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG Ở NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

2.1.2 Bộ máy quản lý của NH No&PTNT Đà Nẵng

2.1.2.1 Mạng lưới tổ chức:

NHNN&PTNT thành phố Đà Nẵng là đơn vị thành viên của NHNN&PTNT Việt Nam, trụ sở đóng tại 23 Phan Đình Phùng – Thành phố Đà Nẵng . Gồm có: Hội sở chính và 7 chi nhánh cấp 2 loại 4 là các chi nhánh Quận Huyện trực thuộc như : Chi nhánh Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Hòa Vang.

2.1.2.2 Sơ đồ tổ chức

2.1.2.3 Chức năng các phòng ban

Ban Giám Đốc, - Phòng Hành chính – Nhân sự ,- Phòng Kế hoạch tổng hợp,- Phòng Kế Toán – Ngân Quỹ,- Phòng Nghiệp vụ kinh doanh,- Phòng Kinh doanh ngoại hối,- Phòng Thẩm định,- Phòng Điện toán,- Phòng Dịch vụ và Marketing,- Phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

2.1.3 Các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng

2.2 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

2.2.1 Tình hình huy động vốn trong giai đoạn 2006 – 2009

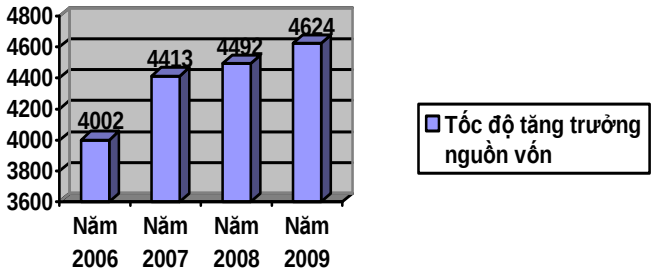

Đồ thị 2.1: Đồ thị tốc độ tăng trưởng nguồn vốn từ năm 2006 - 2009

2.2.2 Tình hình hoạt động đầu tư và cung cấp dịch vụ cho khách hàng

Bảng 2.1 : Tình hình thu nhập từ hoạt động dịch vụ giai đoạn năm 2006 – 2009 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Dịch vụ chuyển tiền	4692	6762	7023	8625
2. Dịch vụ thanh toán quốc tế	552	828	1006	1242
3. Dịch vụ kiều hối	345	414	448	553
4. Dịch vụ thẻ	830	966	1013	1251
5. Dịch vụ thu hộ, chi hộ	60	119	146	181
6. Dịch vụ bảo lãnh	420	471	408	504
Tổng thu dịch vụ	6899	9560	10044	12355

2.2.3 Tình hình cho vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng giai đoạn năm 2006 - 2009

Dư nợ cho vay năm 2006 của chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng đạt 3024 tỷ đồng. Năm 2007 đạt 3455 tỷ đồng, tăng 14,25% so với năm 2006. Năm 2008 dư nợ cho vay là 3948 tỷ đồng, tăng 14,3% so với năm 2007. Dư nợ cho vay đạt 4427 tỷ đồng năm 2009, tăng thêm 12,1% so với dư nợ cho vay của năm 2008.

2.2.4 Thực trạng nợ xấu, nợ quá hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng giai đoạn 2006 - 2009

Qua số liệu bảng trên cho thấy nợ quá hạn, nợ xấu của NHNo&PTNT Đà Nẵng từ năm 2006 đến năm 2009 liên tục tăng.Tổng nợ quá hạn cuối năm 2006 là 123,2 tỷ đồng, đến cuối năm 2009 con số này là 208,6 tỷ đồng. Tình hình nợ xấu cũng tăng từ 3,89% năm 2006 lên 4% năm 2009. Điều này cho thấy chất lượng tín dụng của NHNo&PTNT Đà Nẵng có xu hướng thuyên giảm, cần phải có các giải pháp để hạn chế rủi ro.

2.3 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

2.3.1 Môi trường kiểm soát

2.3.1.1 Cơ chế tín dụng

Hiện nay, ngoài Luật các tổ chức tín dụng do Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành, hoạt động tín dụng tại Ngân hàng No&PTNT Việt Nam còn phải tuân theo sự hướng dẫn của các văn bản như: Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN của NHNN ban hành Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ngày 31/12/2001 và một số văn bản khác.

2.3.1.2 Thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ, nhân viên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

Số lượng cán bộ công nhân viên của Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng ngày càng tăng. Phần lớn là số lượng cán bộ có trình độ Đại học và trên Đại học.

** Về năng lực cán bộ tín dụng của Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng*

Tính đến cuối năm 2009, số lượng CBTD của ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng là 81 người, chiếm 24,2% trong tổng số cán bộ công nhân viên. Hầu hết các CBTD đều có trình độ Đại học trở lên, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có trình độ vi tính, ngoại ngữ, có tinh thần chủ động sáng tạo, năng động trong công việc.

** Về phẩm chất đạo đức của cán bộ tín dụng:*

Do nhận thức về vấn đề kiểm tra kiểm soát của các CBTD trong ngân hàng ngày càng tiến bộ nên hiện tượng tiêu cực vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tín dụng hầu như không còn tồn tại. Không còn hiện tượng bao che cho việc làm sai phạm của các cán bộ tín dụng, đảm bảo hoạt động tín dụng tuân thủ nghiêm túc, khách quan các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát.

2.3.1.3 Về quan hệ khách hàng vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

NHNo&PTNT Đà Nẵng có mạng lưới rộng khắp địa bàn Thành phố Đà Nẵng với tổng cộng 32 chi nhánh và phòng giao dịch trực thuộc. Khách hàng vay vốn tại NHNo&PTNT Đà Nẵng bao gồm các Doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ cá thể và tiêu dùng.

2.3.2 Tổ chức công tác kế toán nghiệp vụ tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

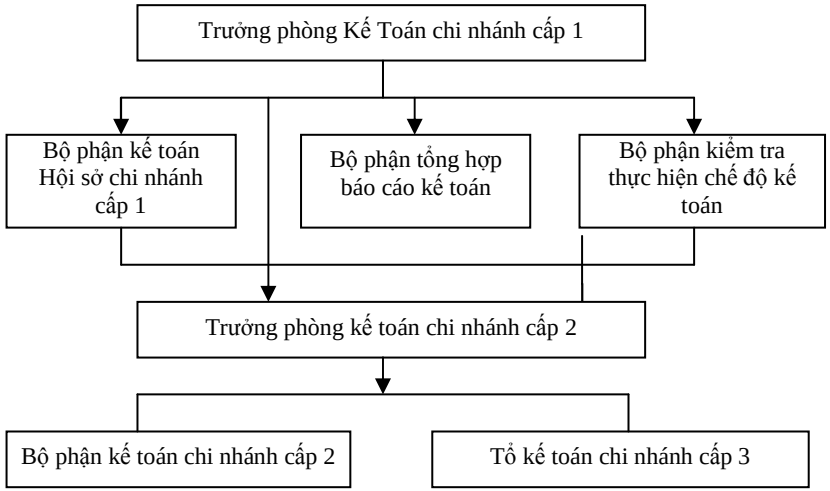

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của NHNo&PTNT Đà Nẵng

2.3.2.1 Về tổ chức và kiểm soát chứng từ

+ Tổ chức chứng từ

Hệ thống chứng từ kế toán nghiệp vụ được tổ chức thành 2 loại: Chứng từ gốc và chứng từ ghi sổ.

+ Kiểm soát chứng từ

Tất cả các chứng từ kế toán nghiệp vụ tín dụng ngân hàng khi phát sinh đều được kiểm soát chặt chẽ bởi kế toán viên nghiệp vụ tín dụng và kiểm soát viên.

2.3.2.2 Về nội dung hạch toán kế toán nghiệp vụ tín dụng

- Hạch toán giải ngân: Hạch toán giải ngân trực tiếp cho khách hàng theo phương thức cho vay từng lần như sau:

+ Lập chứng từ

+ Hạch toán

+ Lưu trữ

2.3.2.3 Quy trình kế toán thu nợ

+ Thông báo nợ đến hạn

+ Hạch toán trên tài khoản vay

+ Công tác kế toán theo dõi và quản lý trên hợp đồng tín

2.3.2.4 Về công tác báo cáo thống kê nghiệp vụ tín dụng

NHNo&PTNT Đà Nẵng thực hiện báo cáo thống kê nghiệp vụ tín dụng theo Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ban hành ngày 28/4/2004 của Thống Đốc NHNN Việt Nam, về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng.

2.3.3 Thủ tục kiểm soát hoạt động tín dụng

2.3.3.1 Đối với hoạt động cho vay vốn tại Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng

* Quy trình xét duyệt cho vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

* Đối với khoản cho vay nằm trong quyền phán quyết của Giám đốc NHNo&PTNT Đà Nẵng:

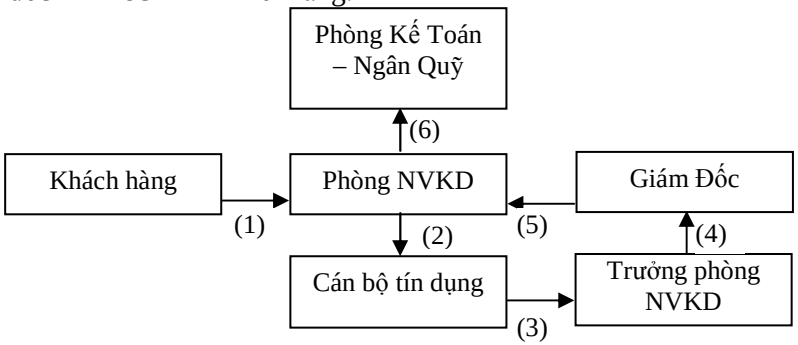

Sơ đồ 2.3: Quy trình xét duyệt cho vay đối với khoản vay nằm trong quyền phán quyết của Giám đốc NHNo&PTNT Đà Nẵng

* Đối với khoản vay vượt quá quyền phán quyết của Giám đốc NHNo&PTNT Đà Nẵng

Nếu giá trị khoản vay vượt thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc NHNo&PTNT Đà Nẵng trình lên Ngân hàng cấp trên quyết định. Khi được Ngân hàng cấp trên đồng ý (thông báo bằng văn bản), Giám đốc NHNo&PTNT Đà Nẵng mới được phê duyệt thực hiện.

2.3.3.2 Đối với việc giải ngân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Đà Nẵng

Để được giải ngân, khách hàng phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ về mục đích sử dụng tiền vay như: + Hợp đồng cung ứng vật tư, hàng hóa, dịch vụ,+ Bảng kê các khoản chi chi tiết, kế hoạch chi phí,…,+ Hóa đơn, chứng từ thanh toán.

Sau đó, CBTD sẽ hướng dẫn khách hàng hoàn chỉnh nội dung các chứng từ sau:

+ Hợp đồng đảm bảo tiền vay trong trường hợp khách hàng chưa hoàn thành thủ tục đảm bảo tiền vay

+ Bảng kê rút vốn vay

+ Ủy nhiệm chi hoặc giấy lĩnh tiền mặt.

Quy trình giải ngân của Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng được biểu hiện qua sơ đồ sau:

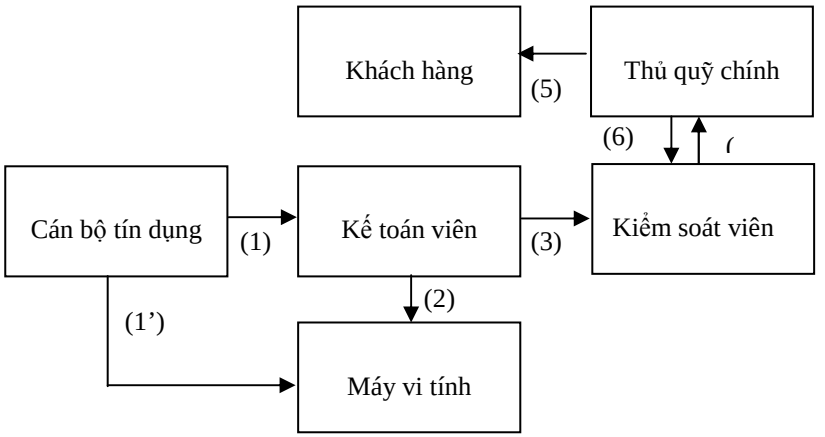

Sơ đồ 2.4: Quy trình giải ngân của NHNo&PTNT Đà Nẵng

2.3.3.3 Đối với việc kiểm tra việc sử dụng vốn sau khi cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

Nội dung kiểm tra sau khi cho vay bao gồm:

+ Kiểm tra sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng

+ Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, phương án vay vốn

+ Kiểm tra hiện trạng tài sản đảm bảo tiền vay

+ Kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng

2.3.4 Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

Bộ phận kiểm tra, KTNB của TCTD được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát. Bộ phận này có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra các nghiệp vụ một cách độc lập với các bộ phận khác trong ngân hàng.

** Tổ chức nhân sự của bộ máy kiểm tra, KTNB*

Theo mô hình tổ chức của NHNo&PTNT Việt Nam, mỗi chi nhánh cấp I đều có phòng kiểm tra, kiểm toán nội bộ (nay gọi là tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ) và mỗi chi nhánh cấp II loại 4 có một kiểm tra viên

** Mục đích của việc kiểm tra, KTNB*

- Ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ các chiến lược tín dụng, chính sách phê duyệt tín dụng và cơ cấu dư nợ tín dụng theo quy định của ngân hàng.

- Tài sản đảm bảo nợ vay phải được thực hiện đầy đủ tính pháp lý và phù hợp với quy định của NHNo&PTNT VN.

- Các khoản nợ gốc, lãi, phí tiền vay phải được tính và hạch toán đầy đủ

- Nợ khó đòi/nợ xấu phải được phân loại và dự phòng đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác, đúng đắn trong hoạt động tài chính của ngân hàng.

** Trách nhiệm của bộ phận kiểm tra và giám sát tín dụng độc lập*

- Kiểm tra và giám sát hoạt động tín dụng tại chi nhánh

- Giám sát và định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hoạt động tín dụng tại chi nhánh cấp dưới

- Yêu cầu, tiếp nhận và quản lý báo cáo về kiểm tra và giám sát tín dụng do các chi nhánh cấp dưới gởi lên.

- Thực hiện công tác báo cáo, thống kê về hoạt động kiểm tra và giám sát tín dụng cho Ban giám đốc và trung tâm điều hành theo quy định và khi được yêu cầu.

- Góp ý xây dựng quy chế, quy trình với Trung tâm điều hành NHNo&PTNT VN.

** Phương thức kiểm tra, KTNB hoạt động tín dụng*

- Yêu cầu CBTD cung cấp báo cáo mới nhất về khách hàng và các khoản vay của khách hàng.

- Kiểm tra toàn bộ các hồ sơ tín dụng của các khách hàng/khoản vay đang dư nợ hoặc đã trả hết nợ.

- Nếu số lượng các hồ sơ quá nhiều và không có đủ thời gian để kiểm tra hết, dùng phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên một số hồ sơ để kiểm tra.

- Kiểm tra thông qua phỏng vấn CBTD nhằm đánh giá bằng cảm tính về trình độ chuyên môn, kỹ năng và hiểu biết của CBTD về hoạt động tín dụng, qua đó có thể phần nào dự đoán được những điểm yếu trong hoạt động quản lý tín dụng là gì.

** Nội dung công tác kiểm tra, KTNB hoạt động tín dụng cụ thể như sau:*

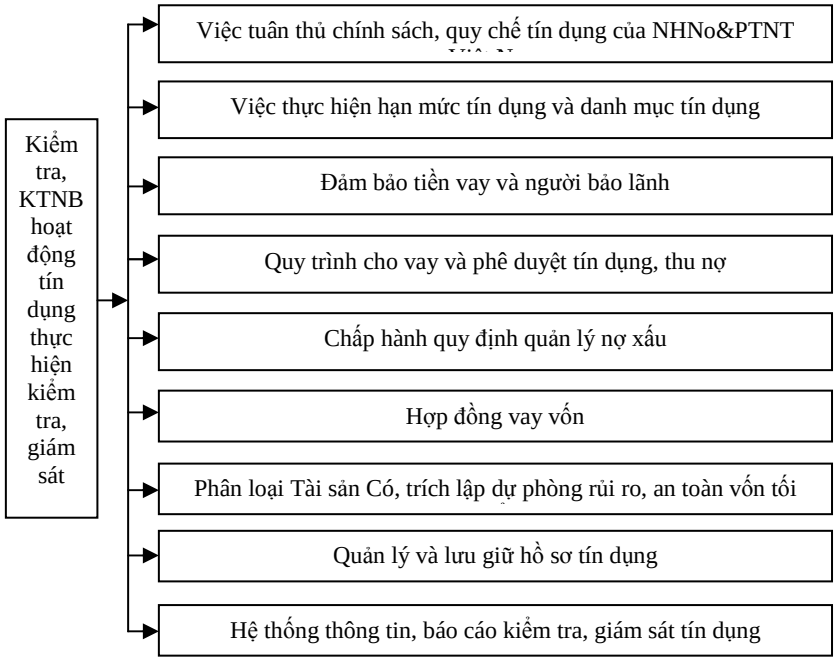

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ công tác kiểm tra, KTNB hoạt động tín dụng tại NHNo&PTNT Đà Nẵng

* Đánh giá và nhận xét sau kiểm tra, giám sát tín dụng

Sau những lần kiểm tra, Kiểm tra viên viết báo cáo về hoạt động kiểm tra của mình. Báo cáo gồm có các phần: *Đánh giá chung về công tác tín dụng, đánh giá cụ thể những sai phạm sau kiểm tra (nêu cụ thể đơn vị khách hàng, kiến nghị…*

2.4 NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

2.4.1 Ưu điểm

Thứ nhất, hình thành được cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác kiểm soát nội bộ. Thứ hai, quy trình cho vay được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành. Thứ ba, công tác

kiểm tra, KSNB được triển khai có kế hoạch, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ.

2.4.2 Hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác kiểm tra, KTNB tại NHNo&PTNT Đà Nẵng vẫn còn những tồn tại sau:

- Chưa hình thành được bộ phận kiểm tra và giám sát tín dụng độc lập Phần lớn cán bộ làm công tác kiểm tra, KTNB còn kiêm nhiệm các vị trí khác như: cán bộ tín dụng, cán bộ kế toán…Do vậy việc gian lận hoặc bỏ qua những sai sót trong quá trình kiểm toán là khó tránh. Chất lượng kiểm soát không đảm bảo.

- Quy trình xét duyệt cho vay chưa hợp lý.Việc phân công phân nhiệm trong thẩm định và quản lý cho vay chưa rõ ràng, thiếu tính kiểm soát.

- Việc thực hiện kiểm tra đối với công tác thẩm định, công tác giám sát sau khi cho vay còn mang tính hình thức, thiếu chặt chẽ.

- Chưa thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo tiền vay.

- Hệ thống thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Chưa xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý và xử lý khoản vay có vấn đề.

- Chất lượng công việc kiểm tra, KTNB còn hạn chế do hồ sơ vay vốn quá nhiều, số lượng cán bộ kiểm tra không đủ. Cán bộ kiểm toán chỉ tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nội dung chương II nêu khái quát về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đà Nẵng cùng với tình hình hoạt động của chi nhánh trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009. Bên cạnh đó, chương II cũng nêu những nội dung thực tế và đưa ra những đánh giá về công tác tín dụng cũng như hệ thống KSNB tại chi nhánh NHNN&PTNT Đà Nẵng

CHƯƠNG 3
NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

3.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

3.1.1 Định hướng, mục tiêu phát triển của Ngân hàng No&PTNT Đà Nẵng đến năm 2010:

3.1.2 Những vấn đề đặt ra trong kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đà Nẵng

Trong thực tế, kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại NHNo&PTNT Đà Nẵng vẫn còn tồn tại những vấn đề sau:

Vấn đề một, tại chi nhánh chưa xây dựng được bộ phận kiểm tra giám sát tín dụng độc lập. Vấn đề hai, quy trình thẩm định và cho vay, giám sát khoản vay chưa được thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ. Vấn đề ba, phương pháp kiểm tra, KSNB còn nhiều hạn chế.

3.2 PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

Một là, phải xây dựng chính sách tín dụng riêng phù hợp với chỉ đạo của NHNN và NHNo&PTNT Việt Nam, phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh tại Đà Nẵng cho NHNo&PTNT Đà Nẵng.

Hai là, hoàn thiện quy trình xét duyệt cho vay, giám sát khoản vay chặt chẽ, tách bạch công việc của CBTD thẩm định và cán bộ cho vay.

Ba là, xây dựng hệ thống thông tin khách hàng trên cơ sở tham khảo từ Trung tâm tín dụng CIC và các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các bài báo về khách hàng tại địa phương. Thông tin khách hàng phải cập nhật thường xuyên, chính xác, đảm bảo tính có thực.

Bốn là, việc cung cấp các hồ sơ, báo cáo nghiệp vụ tín dụng phải kịp thời, chính xác, đảm bảo các thông tin trên đó là trung thực.

Năm là, hoạt động kiểm tra, KTNB phải hướng tới việc phát hiện rủi ro và rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong hoạt động tín dụng và đề xuất Ban lãnh đạo ngân hàng có những biện pháp xử lý phù hợp.

Sáu là, thường xuyên đôn đốc CBTD thu hồi nợ đến hạn, không để phát sinh nợ xấu dưới 5% (theo định hướng của NHNo&PTNT Đà Nẵng như đã trình bày ở trên).

Bảy là, xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý và xử lý khoản vay có vấn đề.

3.3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

3.3.1 Hình thành bộ phận kiểm tra và giám sát tín dụng độc lập trực thuộc phòng kiểm tra, kiểm toán nội bộ

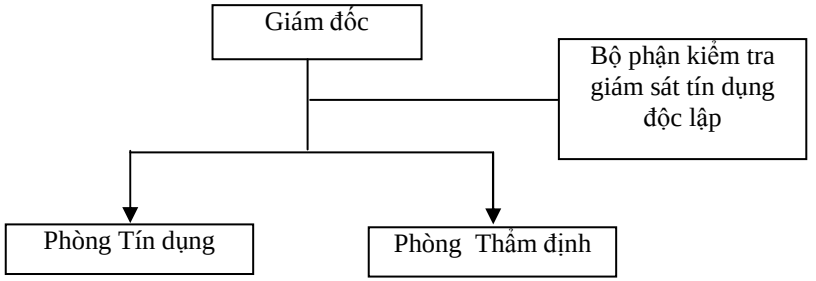

Sơ đồ 3.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tín dụng NHNo&PTNT Đà Nẵng

3.3.2 Xây dựng quy trình xét duyệt cho vay hợp lý

Nên tách quy trình cho vay làm 2 giai đoạn và giao cho 2 bộ phận độc lập đảm nhận: Bộ phận quan hệ khách hàng và bộ phận thẩm định và cho vay. Trong đó:

Bộ phận quan hệ khách hàng: Bộ phận này chịu trách nhiệm tiếp thị, chăm sóc, tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trực tiếp nhận hồ sơ xin vay, hướng dẫn thủ tục, kiểm tra hồ sơ và mục đích vay vốn, hoàn chỉnh hồ sơ vay cho khách hàng, hướng dẫn thủ tục giải ngân cho khách

hàng. Chuyển hồ sơ vay vốn của khách hàng về bộ phận Kế Toán để thực hiện việc giải ngân. Thực hiện giám sát khoản vay sau khi cho vay, theo dõi tình hình trả nợ gốc và lãi của khách hàng.

Hàng tháng, căn cứ vào hợp đồng tín dụng và kỳ hạn trả nợ thỏa thuận trên hợp đồng. Bộ phận quan hệ khách hàng lập một bảng theo dõi thu hồi nợ để tiện việc nhắc nhở đôn đốc khách hàng trả nợ gốc và lãi, gởi báo cáo nợ đến hạn cho khách hàng bằng văn bản.

Bộ phận thẩm định và cho vay : Bộ phận thẩm định và cho vay có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ vay vốn, thẩm định giá trị tài sản thế chấp, phân tích ngành, dự kiến lợi ích của ngân hàng khi khoản vay được duyệt, đánh giá các rủi ro nếu có,xác định phương thức và nhu cầu cho vay, lập báo cáo thẩm định và trình lãnh đạo phê duyệt.

Khi phương án xin vay được duyệt, hồ sơ vay vốn sẽ được chuyển về bộ phận quan hệ khách hàng để hướng dẫn khách hàng làm thủ tục giải ngân.

3.3.3 Thường xuyên thực hiện kiểm tra đối với công tác thẩm định

- Kiểm tra trước:

+ CBTD hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn đầy đủ và phù hợp với các điều kiện vay vốn theo quy định hiện hành của ngân hàng chưa

+ CBTD, cán bộ thẩm định dã tiến hành điều tra, thu thập đầy đủ và chính xác những thông tin về khách hàng vay vốn, những thông tin có liên quan chưa?

- Kiểm tra trong:

+ Kiểm tra việc thẩm định hồ sơ khách hàng vay vốn của cán bộ thẩm định

+ Kiểm tra việc thẩm định tình hình tài chính của khách hàng

+ Kiểm tra việc thẩm định phương án, dự án vay vốn

+ Kiểm tra việc trực tiếp trải nghiệm thực tế của cán bộ thẩm định tại doanh nghiệp vay vốn

+ Kiểm tra việc thẩm định tính chính xác và hiện hữu của tài sản thế chấp, cầm cố để đảm bảo nợ vay

- Kiểm tra sau: Giai đoạn này tiến hành kiểm tra hồ sơ, chứng từ, rà soát lại tính hợp pháp, hợp lệ của nghiệp vụ thẩm định ở giai đoạn trước, nhằm phát hiện ra những hiện tượng bất thường trong nghiệp vụ đã hoàn thành, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, chính xác trước khi quyết định cho vay.

3.3.4 Thực hiện nghiêm túc việc giám sát sau khi cho vay

- Sau khi giải ngân, CBTD tiếp tục thu thập thông tin về khách hàng, tình hình tài chính của khách hàng, thường xuyên giám sát và đánh giá xếp loại khách hàng, nếu phát hiện ra có sự cố bất thường phải kịp thời báo cáo cho ban lãnh đạo ngân hàng để có hướng giải quyết.

- Trong quá trình giám sát, CBTD theo dõi tình hình kinh doanh của khách hàng qua phân tích các báo cáo tài chính kết hợp với việc kiểm tra trực tiếp cơ sở kinh doanh của khách hàng, thu thập thông tin từ các loại phương tiện truyền thông có liên quan đến khách hàng và ngành nghề kinh doanh của khách hàng, tìm hiểu thêm về khách hàng thông qua các cá nhân, tổ chức có quan hệ với khách hàng.

- Tổ chức kiểm tra chéo giữa các CBTD với nhau.

3.3.5 Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo đảm tiền vay

Trong cho vay thế chấp, đảm bảo bằng tài sản CBTD và CB thẩm định phải xem xét tính pháp lý của các giấy tờ liên quan tới tài sản đảm bảo (người vay hoặc ai là chủ sở hữu tài sản, là người được giao quyền sử dụng; tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của các loại giấy tờ đó).

CBTD phải đi kiểm tra thực tế để định giá chính xác giá trị tài sản đảm bảo.

Trong việc thực hiện các biện pháp đảm bảo tiền vay, đối với những tài sản khó xác định giá trị, ngân hàng có thể thuê hoặc yêu cầu khách hàng thuê cơ quan tư vấn và thẩm định giá để xác định giá trị tài sản. Những tài sản hình thành trong tương lai cần quan tâm đến tiến độ hình thành tài sản, thời điểm hoàn thiện các thủ tục giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu/sử dụng tài sản. Trong trường hợp thế chấp, cầm cố tài sản của bên thứ ba cần xác định rõ mối quan hệ, trách nhiệm, nghĩa vụ giữa người bảo lãnh và người được bảo lãnh. Những tài sản đồng sở

hữu phải có sự đồng ý, thống nhất của các đồng sở hữu tài sản. Đối với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình thì khi thế chấp phải có sự đồng ý của các thành viên đủ 15 tuổi trở lên trong gia đình.

3.3.6 Tăng cường công tác thu thập và xử lý thông tin phục vụ hoạt động tín dụng

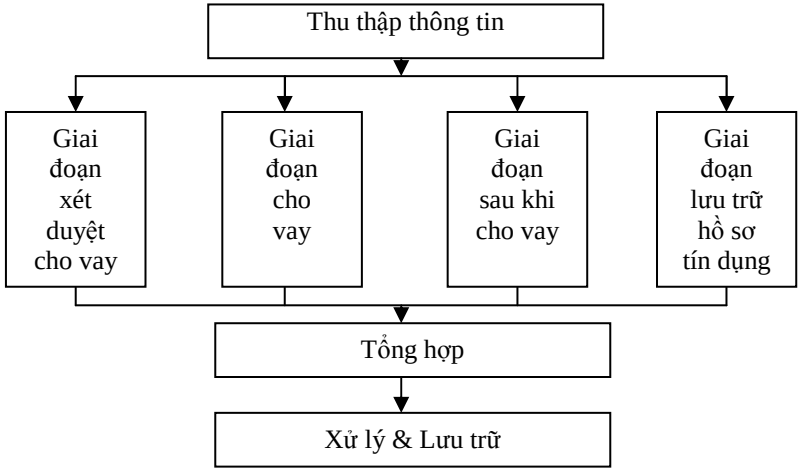

Sơ đồ 3.2: Quy trình thu thập và xử lý thông tin

Trong quá trình thu thập thông tin khách hàng, cần tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản như: Sử dụng một mẫu chuẩn hoặc xác lập bản điều tra chi tiết đảm bảo khi thu thập thông tin không bị bỏ sót. Sử dụng tất cả các nguồn thông tin có thể đến mức đầy đủ nhất. So sánh thông tin thu được từ các nguồn khác nhau với thông tin do khách hàng cung cấp nhằm phát hiện những khác biệt. Thu thập thêm các thông tin bất kể khi nào nếu xét thấy cần thiết. Thông tin tài chính phải được thực hiện bởi hiện tại, quá khứ và xu hướng được xác định để có thể so sánh, phân tích.

Trên cơ sở các thông tin có được từ phỏng vấn người vay, tham quan cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nhà ở của khách hàng vay, từ các nguồn khác…CBTD phải phân tích, so sánh, đánh giá các thông tin đó và tài sản, thiết bị, điều kiện làm việc và sự thích hợp của địa điểm

sản xuất kinh doanh...để xác định tính trung thực, tin tưởng của các thông tin đã thu thập. Từ đó, đưa ra những nhận xét về người vay, về dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ đời sống, về tài sản đảm bảo.

* Kiểm tra, giám sát chất lượng thông tin thu thập được

Trên cơ sở những thông tin CBTD thu thập được, bộ phận kiểm tra giám sát tín dụng độc lập tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan quản lý pháp luật, lịch sử giao dịch của khách hàng tại ngân hàng No&PTNT ĐN và các NHTM khác, thông qua báo cáo tài chính của khách hàng, gởi bảng câu hỏi phỏng vấn hoặc trực tiếp phỏng vấn khách hàng…

3.3.7 Xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý và xử lý khoản vay có vấn đề

Quy trình xử lý khoản vay có vấn đề có thể được chia thành 5 giai đoạn như sau:

3.3.7.1 Giai đoạn 1: Thẩm định lại trong nội bộ

3.3.7.2 Giai đoạn 2: Gặp gỡ và trao đổi với khách hàng và các bên liên quan khác.

3.3.7.3 Giai đoạn 3: Đánh giá tình hình và đưa ra kết luận

3.3.7.4 Giai đoạn 4: Quyết định hành động

3.3.7.5 Giai đoạn 5: Thực hiện kế hoạch hành động.

3.3.8 Đổi mới công tác xây dựng nguồn nhân lực và phương pháp kiểm tra, KTNB

Để tăng cường KSNB hoạt động tín dụng, NHNo&PTNT Đà Nẵng cần chú ý nhưng vấn đề sau:

- Về xây dựng nguồn nhân lực cho hoạt động KT, KSNB:

+ Cán bộ phòng KT, KSNB phải tuyệt đối độc lập với các phòng ban khác.

+ Việc bổ nhiệm cán bộ đảm nhiệm chức năng KT, KSNB phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, khả năng thích nghi tốt, công bằng, vô tư…

+ Định kỳ luân chuyển cán bộ KT, KSNB

- Về xây dựng phương pháp kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

Ngân hàng nên đổi mới phương pháp kiểm tra đối chiếu bằng phương pháp phân tích đánh giá tổng quát kết hợp với phương pháp kiểm tra đối chiếu.

3.3.9 Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tín dụng và cán bộ kiểm tra KSNB

NHNo&PTNT Đà Nẵng cần tiếp tục có những giải pháp nâng cao năng lực CBTD và cán bộ kiểm tra KSNB nhằm hạn chế rủi ro khách quan trong hoạt động tín dụng tại ngân hàng, đảm bảo công tác kiểm soát tín dụng được hiệu quả, cụ thể như sau:

Một là, đổi mới công tác tuyên truyền, quản lý cán bộ

Hai là, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng

Ba là, xây dựng chính sách sàng lọc, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ tín dụng và cán bộ kiểm tra KSNB

Bốn là, có chính sách đãi ngộ cán bộ phù hợp

3.4 KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Một số kiến nghị đối với NHNN nhằm hỗ trợ hoạt động tín dụng cho các NHTM nói chung và NHNo&PTNT nói riêng:

NHNN cần đầu tư xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cụ thể rõ ràng nhằm tạo một khung pháp lý hoàn thiện cho hoạt động tín dụng của các NHTM. Cần quy định rõ những biện pháp và mức độ xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy chế trong hoạt động tín dụng.

Hai là, NHNN phải thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động tín.

Ba là, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin rủi ro của NHNN và các NHTM, mở rộng các hình thức hoạt động của thị trường liên ngân hàng trong việc phát hiện, ngăn chặn những khách hàng vay vốn có ý định lừa đảo.

Bốn là, cần nâng cao chất lượng và sự đầy đủ, kịp thời về thông tin khách hàng của Trung tâm tín dụng CIC. Kịp thời thông báo danh

tánh những cá nhân, công ty có ý định lừa đảo đến toàn bộ hệ thống các NHTM để ngăn chặn không cho những cá nhân, công ty này tiếp tục vay vốn hoặc nếu cho vay thì các công ty này phải chịu những ràng buộc vô cùng khắc khe về tài chính, phải vay với lãi suất thấp, giá trị tài sản đảm bảo cao.

Khuyến khích thành lập các tổ chức thu thập thông tin, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Để nâng cao hiệu quả, khả năng cạnh tranh của hoạt động tín dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế là một vấn đề không đơn giản, không chỉ đối với bản thân các NHTM mà còn liên quan tới hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, thực hiện giám sát an toàn hoạt động ngân hàng, theo hướng minh bạch, hiện đại và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Từ thực trạng về kiểm soát nội bộ của NHNo&PTNT Đà Nẵng ở chương 2, trong chương 3 luận văn đã đưa ra phương hướng và giải pháp tăng cường KSNB đối với hoạt động tín dụng. Cụ thể là những giải pháp về xây dựng chính sách tín dụng, đổi mới hoạt động Kiểm toán nội bộ, năng cao năng lực nhân sự…v.v..Qua đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn về chính sách, cơ chế trong hoạt động và kiểm tra tín dụng trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam nói chung và NHNo&PTNT Đà Nẵng nói riêng.